TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 115/2019/HS-ST
Ngày 04-9-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thành Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Xẹt;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Kim Lài, Thư ký Toà án nhân dân thị xã T, tỉnh B.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh B tham gia phiên tòa*:** Ông Trương Văn Thế, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 108/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Sơn Phi R, sinh năm 1994; nơi sinh: S; thường trú: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh S; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 5/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sơn P, sinh năm 1954 và bà Lý Thị T, sinh năm 1955 (đã chết); bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không.

Về nhân thân: Ngày 22-02-2017, bị Công an thị xã T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 19 về hành vi đánh nhau với hình thức xử phạt tiền 750.000 đồng, đã đóng phạt xong.

Ngày 15-02-2019, có hành vi "Trộm cắp tài sản" bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 15/02/2019 đến ngày 24-02-2019 thì bị khởi tố bị can và chuyển sang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã T cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Ông Trần Nhật S, sinh năm 1984 và bà Lâm Quốc L, sinh năm 1984; cùng địa chỉ: Khu phố K, phường K, thị xã T, tỉnh B; có đơn xin vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Phạm Văn G; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 15-02-2019, Sơn Phi R đi bộ từ nhà trọ Hoàng Long thuộc khu phố K, phường K, thị xã T, tỉnh B để đi tìm việc làm nhưng chưa xác định trước sẽ đi đâu. Khi đi đến khu vực gần nhà trọ của ông Trần Nhật S thuộc đường K 64, khu phố K, phường K, thị xã T, tỉnh B, R phát hiện xe ô tô hiệu Toyota Camry đời 1988, màu trắng, biển số 61H-4806 của ông Sáng đang đỗ bên hông nhà, trên xe có cắm sẵn chìa khóa. Lúc này R nảy sinh ý định chiếm đoạt xe ô tô 61H-4806 để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Thực hiện ý định, R quan sát xung quanh một lần nữa thấy không có người trông coi, R nhanh chóng đi lại mở cửa xe ô tô 61H-4806 rồi ngồi vào bên trong xe và khởi động máy điều khiển xe chạy thoát ra hướng đường ĐH 418 rồi rẽ vào đường K 65 chạy được khoảng 200 mét thì xe tắt máy. Cùng lúc này, vợ của ông S là bà Lâm Quốc L đang đứng đối diện nhà nhìn thấy R điều khiển xe ô tô biển số 61H-4806 chạy ngang qua nên đã gọi điện thoại báo cho ông S biết. Lúc này, ông S nhanh chóng điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) đuổi theo R. Trong lúc điều khiển xe ô tô bị tắt máy nên R mở cửa xe ra hỏi đường người dân xung quanh và tiếp tục khởi động máy lại để chạy thoát thì bị ông Sáng cùng với ông Phạm Văn G chạy đến chặn xe lại và bắt giữ R giao Công an phường K lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ các vật chứng liên quan gồm:

- 01 (Một) xe ô tô hiệu Toyota Camry, đời 1988, màu trắng, biển số 61H-4806;
- 01 (Một) Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển số 61H-4806;
- 01 (Một) Giấy đăng ký xe ô tô biển số 61H-4806;
- 01 (Một) Giấy mua bán xe giữa Nguyễn Thành Đ và Trần Nhật S (Photo);

Sau đó, Công an phường K lập hồ sơ vụ việc ban đầu và chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 64/KLTS-TTHS ngày 21-02-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã Tân Uyên, kết luận: 01 (Một) xe ô tô hiệu Toyota Camry đời 1988, biển số 61H-4806, đã qua sử dụng, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 51.297.000 đồng (Năm mươi mốt triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

Quá trình điều tra xác định được: 01 (Một) xe ô tô hiệu Toyota Camry, đời 1988, màu trắng, biển số 61H-4806 là tài sản hợp pháp của ông Trần Nhật S và bà Lâm Quốc L. Ngày 13/3/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T ra Quyết định xử lý vật chứng số 72, trả lại xe ô tô biển số 61H-4806 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe và giấy chứng nhận kiểm định xe cho ông S và bà L.

Về phần trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại được tài sản bị chiếm đoạt ông Trần Nhật S và bà Lâm Quốc L không có yêu cầu gì khác.

Cáo trạng số 113/CT-VKSTU ngày 23-7-2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh B đã truy tố bị cáo Sơn Phi R về tội trộm cắp tài sản theo điểm c

khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung cáo trạng và đề nghị căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Sơn Phi R từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không có.

Bị cáo không trình bày lời bào chữa. Nói lời nói sau cùng, bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật hình sự, ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Lời khai của bị cáo Sơn Phi R tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo đã khai báo tại cơ quan điều tra, trước sau thống nhất với nhau về quá trình thực hiện hành vi phạm tội cũng như vật chứng thu giữ trong vụ án. Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Ngày 15-02-2019, tại khu phố K, phường K, thị xã T, tỉnh B, Sơn Phi R đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của ông Trần Nhật S và bà Lâm Quốc L lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt 01 xe ô tô hiệu Toyota Camry đời 1988, biển số 61H-4806 có giá trị là 51.297.000 đồng. Do đó đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố bị cáo Sơn Phi R về tội danh trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và sẽ bị xử lý nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi, muốn có được tài sản mà không phải qua lao động nên đã cố ý phạm tội.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã trả lại cho bị hại và bị hại không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc Khơmer, tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Tại phiên tòa, mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T đề nghị xử phạt bị cáo Sơn Phi R là có căn cứ.

[8]. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Không có.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Sơn Phi R phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Sơn Phi R 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15-02-2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã trả lại cho bị hại và bị hại không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Không có.

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Sơn Phi R phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- PV06, Công an tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- VKSND thị xã T;
- Công an thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT; HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thành Hiệp